

Số: 413/2018/QĐST-HNGĐ

Cầu Giấy, ngày 18 tháng 10 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 149, Điều 212, Điều 213, khoản 4 Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ hồ sơ việc hôn nhân và gia đình thụ lý số 559/2018/TLST/HNGĐ ngày 10 tháng 10 năm 2018 về yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- **Anh Trần Anh M**, sinh năm 1971

ĐKHKTT và trú tại: số 11 ngách 15 ngõ 4 phố P, phường P, quận Đ, thành phố Hà Nội.

- **Chị Trần Thị Huyền T**, sinh năm 1976

ĐKHKTT: số 11, ngách 15, ngõ 4, phố P, phường P, quận Đ, thành phố Hà Nội.

Chỗ ở hiện nay: BT1-A09, khu đô thị mới B, xã A, huyện H, thành phố Hà Nội.

Địa chỉ nơi làm việc: Văn phòng thừa phát lại Thủ Đô - số 2, lô 1, dãy A, khu T, phường T, quận C, thành phố Hà Nội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Anh M và chị Trần Thị Huyền T kết hôn trên cơ sở tự nguyện và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Q, quận C, thành phố Hà Nội ngày 01/12/2000. Hôn nhân của anh chị là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn hai vợ chồng sống tại số 11, ngách 15, ngõ 4, phố P, phường P, quận Đ, thành phố Hà Nội. Thời gian qua, do mâu thuẫn nên chị T chuyển về sống tại nhà bố mẹ đẻ tại BT1-A09 khu đô thị mới B, xã A, huyện H, thành phố Hà Nội.

Quá trình chung sống, hai vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do hai vợ chồng không hòa hợp nhau, bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Hiện nay hai vợ chồng đã sống ly thân và cùng xác định không còn tình cảm vợ chồng. Chị T hiện đang làm việc tại Văn phòng thừa phát lại T - số 2, lô 1, dãy A, khu T, phường T, quận C, thành phố Hà Nội nên anh M và chị T thống nhất đề nghị Tòa án nhân dân quận C giải quyết cho anh chị thuận tình ly hôn là phù hợp với quy định tại điểm h khoản 2 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Xét yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của anh chị là phù hợp với quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình, nên được chấp nhận.

[2] Về con chung: Anh Trần Anh M và chị Trần Thị Huyền T có 02 con chung là: cháu Trần Minh A (nữ), sinh ngày 13/08/2001 và cháu Trần Minh K (nữ), sinh ngày 07/9/2005. Ly hôn, anh chị thỏa thuận: chị T là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu A và cháu K. Anh M cấp dưỡng nuôi con 10.000.000 đồng/tháng (mỗi cháu 5.000.000 đồng/tháng)

Thời hạn cấp dưỡng kể từ tháng 10 năm 2018 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có quyết định khác của cơ quan có thẩm quyền thay thế.

Anh M được quyền thăm nom, chăm sóc giáo dục con chung không ai được ngăn cản.

Xét thỏa thuận của các bên về con chung là phù hợp với quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình, nên được chấp nhận.

[3] Về tài sản (động sản và bất động sản): Anh M và chị T thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về nợ: Anh M và chị T cùng xác nhận không có khoản vay nợ chung nào cả, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về lệ phí: Chị T tự nguyện nộp cả 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) lệ phí ly hôn sơ thẩm, nên được ghi nhận.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Trần Anh M và chị Trần Thị Huyền T.

- *Về con chung*: Anh Trần Anh M và chị Trần Thị Huyền T có 02 con chung là: cháu Trần Minh A (nữ), sinh ngày 13/08/2001 và cháu Trần Minh K (nữ), sinh ngày 07/9/2005. Giao cháu A và cháu K cho chị Trần Thị Huyền T trực tiếp nuôi dưỡng. Anh M cấp dưỡng nuôi con chung 10.000.000 đồng/tháng (mỗi cháu 5.000.000 đồng/tháng). Thời hạn cấp dưỡng kể từ tháng 10 năm 2018 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có quyết định khác của cơ quan có thẩm quyền thay thế.

Anh M được quyền thăm nom, chăm sóc giáo dục con chung không ai được ngăn cản.

- *Về tài sản (động sản và bất động sản)*: Anh M và chị T thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ*: Anh M và chị T cùng xác nhận không có khoản vay nợ chung nào cả, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Ghi nhận sự tự nguyện của chị Trần Thị Huyền T nộp cả 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) lệ phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng lệ phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006378 ngày 10 tháng 10 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự quận C. Xác nhận chị T đã nộp đủ tiền lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND quận C;
- Chi cục THADS quận C;
- UBND phường Q, quận C, thành phố Hà Nội;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Chu Tuấn Anh

